TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1178**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/11/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lương

2/ Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Hoàng Phi Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1048/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: 98/21A1 Đường Đ, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: 309/8 Đường V, phường M, quận B, TP.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc D trình bày: Bà và ông Trần Quốc T đã thuận tình ly hôn theo quyết định công nhận sự số 180/2005/CNTT-HNGĐ-ST ngày 24/10/2005 của Tòa án nhân dân quận B. Sau khi ly hôn, vợ chồng hàn gắn và về chung sống lại với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống sinh được 01 con chung. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, bà nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung với ông T nên xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Huỳnh Minh Q, sinh ngày 23/5/2006.

Bà yêu cầu giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Quốc T trình bày: Ông xác nhận việc bà D trình bày về quan hệ hôn nhân là đúng, sau khi ly hôn vợ chồng về hàn gắn, chung sống và không đăng ký kết hôn lại. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được do tính cách khác biệt nhau nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Huỳnh Minh Q, sinh ngày 23/5/2006.

Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Huỳnh Thị Ngọc D và ông Trấn Quốc T có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Ngọc D xin ly hôn với ông Trần Quốc T đang cư trú tại309/8 Đường V, phường M, quận B, TP.Hồ Chí Minh. Xét đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc D và bị đơn ông Trần Quốc T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ quyết định công nhận sự số 180/2005/CNTT-HNGĐ-ST ngày 24/10/2005 của Tòa án nhân dân quận B thì ông Trấn Quốc T và bà Huỳnh Thị Ngọc D đã ly hôn từ ngày 24/10/2005.

Qua lời trình bày của các đương sự thì sau khi ly hôn, vợ chồng hàn gắn tình cảm về chung sống lại với nhau từ đó đến nay và không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện để kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa bà D và ông T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử không công nhận bà D và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Huỳnh Minh Q, sinh ngày 23/5/2006.

Căn cứ Điều 15 Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường hợp nam nữ chung sống vớ nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn sẽ được giải quyết theo quy định của Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con. Xét hai bên thống nhất để ông T được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Q là hoàn toàn tự nguyện, không trái luật nên ghi nhận và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ Q là muốn ở với ba nên ghi nhận. Do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà D.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 14, 15, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Thị Ngọc D và ông Trần Quốc T là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Trần Quốc T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Huỳnh Minh Q, sinh ngày 23/5/2006, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà D do ông T không có yêu cầu.

* Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2/ Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Huỳnh Thị Ngọc D chịu, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0037294 ngày 19/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

(đã ký)

Trần Thanh Vân